NĂM THỨ TƯ — Số 128 Thứ năm 3 Février 1944

TRI TÂN

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA RA HẰNG TUẦN

Mục lục

* Xuân, mùa sống — *Hoa Bằng*
* Đại-Nam dật-Sự (XVIII) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Tinh thần quốc-gia của dân tộc Việt-nam (Hết) — *Mãn-khánh Dương-Kỵ*
* Sách triết học — *Ứng-Hòe*
* Nhà Thục và nhà Triệu (Hết) — *Đào-duy-Anh*
* Tiễn xuân — *Đầu-Tiếp*
* Đọc sách — *Nguyệt-Hằng*

Tòa báo: 95-97, Chanceaulme, Hanoi

Một năm **18$00** — 6 tháng **9$50** — 3 tháng **5$00** — Mỗi số **0$40**

Xuân, mùa sống!

HOA-BẰNG

CÂY đào trụi lá từ năm ngoái, nay đã nhan-nhản những bông tươi thắm mủm-mỉm trên cành. Ấy vì trong đào vẫn ngầm chu lưu cái khí sống.

Củ khoai sọ im lìm « ngủ » từ mùa đông trong hố tro trên mặt luống, nay đã rẽ mùn, đội đất, nhô lên những nốn xanh tươi. Ấy vì trong khoai vẫn có một sinh cơ ẩn-phục.

Lý tuần-hoàn của bốn mùa đã dạy chúng ta một lẽ mầu nhiệm. Cảnh-vật trước mắt đã chỉ cho chúng ta con đường đi tới.

Đức Trần Thái-Tông (1225-1258) tế nhận được lẽ tiêu, trưởng doanh, hư của cuộc nhân sinh, nêu rõ trong kinh *Khóa-hư* cái thuyết *tứ sơn* (bốn núi), bốn thời-kỳ của người đời là *sinh, lão, bịnh, tử* để sánh với bốn mùa xuân, hạ, thu, đông. Xuân là cái núi thứ nhất, là thời-kỳ *sinh* của người ta.

Ông Khổng-tử, một bữa, đứng trên bờ sông, thấy nước sông luôn chảy không ngừng, bất giác cất tiếng than: « Cái đã qua là như thế đấy! Không bỏ ngày đêm! » (Thệ giả như tư phù! Bất sả chú dạ! — *Luận-ngữ*).

Để giải-thích nghĩa câu ấy, Hồ Thích có viết trong cuốn *Trung quốc triết học sử cương* «...Muôn vật trong trời đất đều như nước sông cuồn cuộn chảy, vừa mới hiện-tại, chẳng bao lâu đã thành quá khứ: đó là ý nghĩa của chữ *dịch* ». — « Dịch là biến hóa thay đổi. Muôn vật trong trời đất đều không phải là thành mãi mà không biến đổi, song đều biến-hóa từng giờ từng phút cả. » (quyển thượng, trang 78).

Cái triết-lý nhân-sinh trong *Khóa-hư* và cái quan-niệm căn-bản của kinh *Dịch* đại khái là thế.

Ta có thể nhân đó, suy rộng ra đến cuộc đời, đến lịch-sử.

Mới ngày nào, chúng ta còn thơ-ấu, nũng-nịu mẹ, cố đòi cho kỳ được chiếc áo mặc tết — cái áo sồi đỏ.

Nay, bao tết đã qua, bao chiếc áo « may phỏng lớn » kia đã lần-lượt « làm trọn thời-giờ » của chúng. Ta đã từ buổi ấu-trĩ bước sang thời-kỳ thanh-niên, chẳng bao lâu, rồi thành-thục, rồi lão-đại.

Vậy không lẽ ta cứ sợ-sệt trước khó-khăn, rên-siết trong đau khổ, để cho ngày xuân lạnh-lùng trôi... trôi xuống vực thẳm thời-gian không bao giờ trở lại! Rồi ta lại dài than bằng những lời « sáo »:

— « Đời người như giấc mộng! »

— « Trăm năm như bóng câu qua cửa sổ! »

Các bạn! Đừng bi quan! Đừng tự bạo, tự khí!

Đời chúng ta chỉ là một đời phấn-đấu.

Mai biết phấn-đấu với sương hàn, nên một khi tin xuân vừa báo, Mai mới tặng đời được những đóa hoa đẹp-đẽ thơm-tho.

Thông biết phấn-đấu với giá lạnh, nên trải ba tháng đông, vẫn giữ được bộ lá xanh-xanh để, sang xuân, nhịp-nhàng theo dàn gió, long-lanh cái chậu mưa, ngân lên những khúc thiên-lãi...

«Nhất niên chi kế khởi ư xuân!»

«Một năm, dễ có mấy xuân,
Một ngày dễ mấy giờ Dần hỡi ai?»

Chúng ta phải nỗ lực để sống, sống để làm việc.

Tự tay ta, phải vạch lấy một đường lý-tưởng.

Trước mắt ta, phải tự đặt một mục-đích.

Ta phải làm cái suối: ào ào chảy luôn thì nước không bao giờ tù-hãm.

Ta phải làm cái then cửa: thời-thường lưu-động thì gỗ không mấy khi mọt hư.

***

« Cạn ao, bèo đến đất! »

Và:

« Thả ra mới biết bèo gầy,
Đến cơn cả gió, biết cây cứng mềm! »

Lần những trang lịch-sử nhân-loại, ta đã học được một bài kinh-nghiệm: phàm quốc gia nào kiêu xa dâm dật tất phải đi đến con đường bại vong. Hễ dân-tộc nào biết phát phấn tự cường, chẳng chóng thì chầy, thế nào cũng có cơ thịnh-đạt.

« Tiết đầu (?) khăng-khăng, mưa chẳng chuyển;
« Chỉ bền sóc-sóc, gió khôn rung! »

Chúng ta phải có cái khí-tượng như núi Thanh-xuân để xứng-đáng với hai câu thơ ấy của vua Lê Thánh-Tông (1460-1497) đã tặng.

HOA-BẰNG

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

Số 18 Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

XII.—Có nhà Tiền-Lý không? (*bài nối*)

Bộ *Việt-kiều thư* của Lý-văn-Phượng (sách Tàu, bản sao của Trường Bác-cổ số 1731, quyển 3, tờ 30 b-32 a) chép: « Về đời Lương (năm Đại-đồng thứ bảy, tức năm 541 sau Thiên-Chúa), ở Giao-chỉ có Lý-Bôn (hoặc Lý Bí) đời đời là nhà hào-hữu, làm quan bất-đắc-chí gặp thứ-sử châu Giao là Tiêu-Tư, tước Vũ-lâm-hầu, vì khắc bạc, mất lòng dân. Bấy giờ Lý-Bôn coi Đức-châu, nhân liên-kết hào-kiệt vài châu làm phản (đây vẫn là giọng người Tàu): Tiêu-Tư đem của lo-lót với Lý-Bôn để chạy về châu Quảng (*Lương-thư*, quyển 3, tờ 9 a, chép là châu Việt)... Sau nhà Lương sai bọn Tôn Quýnh và Lư-tử-Hùng sang dẹp, nhưng đều bị thua cả. Đến năm Đại-đồng thứ 11 (545 nhầm, chính là Đại-đồng thứ 10, 544). Lý Bôn tự xưng Việt-đế, đặt trăm quan, dựng đài Vạn-xuân, đổi niên-hiệu là Thiên-đức (Thiên-đức là niên-hiệu đầu tiên, từ Hồng-bàng đến đây mới thấy đặt, nhưng bắt đầu từ năm 544, chứ không phải từ năm 545, như Lý-văn Phương chép ở quyển *Việt-kiều thư*). Cùng năm ấy nhà Lương sai Dương-Siêu (hoặc Dương-Phiêu) sang đánh... Lý Bôn thua chạy về ở thành Gia-ninh Đến năm Trùng-đại-đồng thứ nhất (546), Trần-bá-Tiên đánh được Lý Bôn. Bôn lui vào giữ ở trong động mán (chỗ này các sách đều cho chữ « khuất-lão » là tên riêng; nhưng có lẽ chữ « khuất » ở đây là chịu khuất « lão trung » là trong động mán; chính bộ *Khâm-định Việt-sử* cũng không kê Khuất lão bây giờ ở đâu: thế thì có lẽ không phải là tên đất). Năm Thái-thanh thứ nhất (547) Lý-Bôn bị giết (đây vẫn là lời dịch sách Tàu) Anh là Lý Thiên-Bảo thu nhặt dư binh hơn hai vạn ».

Về đời Tùy, *Việt-Kiều thư* (quyển 3, tờ 33 a-b) chép « năm thứ 10 hiệu Khai-hoàng 590) ở Giao-chỉ có Lý-Xuân làm phản (?): vua Tùy sai Dương Tố sang dẹp. Năm thứ hai hiệu Nhân-thọ (602), người tướng mọi (chữ nho là lái-súy) ở Giao-châu là Lý-Phật-tử giữ thành cũ của Việt-vương (thế là sử Tàu cũng có chép đến Việt-vương) sai con người anh là Lý-đại-Quyền giữ thành Long-biên,, tướng khác là Lý-phổ-Đỉnh giữ thành Ô-diên. Dương-Tố tiến cử Lưu-Phương làm chức Giao-châu-đạo hành doanh tổng-quản đem 27 trại tiến đánh: Lý Phật-tử sợ, xin hàng, Lưu-Phương đưa về Tràng-an »

Quyển *An-nam chí nguyên* của Cao-hùng-Trưng (cũng sách Tàu, trang 112-113), cũng chép « đời Lương Vũ-đế (năm Đại-đồng thứ bảy, tức 541), ở Giao-chỉ có người hào-hữu là Lý Bôn giữ Long-biên, đắp thành để ở, tự xưng Nam-Việt-đế, đổi niên-hiệu là Thiên-đức (544-548).. Nam Nhân-thọ thứ hai nhà Tùy (602) Lý Phật-Tử làm phản (?), giữ thành Việt-vương; con người anh là Lý-đại-Quyền giữ thành Long-biên; chế-súy là Lý-phổ Đỉnh giữ thành Ô-diên. Dương-Tố tiến cử Lưu-Phương sang đánh. Phương đánh được; Phật Tử sợ, xin hàng: Phương đưa về Tràng an ».

Như thế là sử Tàu có chép Lý Bôn, Lý Thiên-Bảo và Lý Phật-Tử cả Lý Xuân và « Việt-vương » nữa. Ông Henri Maspero cho bấy nhiêu người là « tướng phản nghịch » (chefs de rebelles, xem bài *Etudes d'histoire d'Annam* trong *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient*, quyển XVI, số 1, trang 1 và 25), chứ không cho là người cùng họ kế-tiếp nhau để giữ quyền thống-trị cho nước nhà. Ông nói: « Tuy sử liệu ít-ỏi, nhưng xét cảnh-trạng của xã-hội nước Tàu vào hồi đó », cũng có thể tưởng tượng được bọn « tướng làm phản » là người thế nào. « Cuối đời Chu, bỏ chế-độ cũ, việc mua đất bán đất được tự-do..., nên mới xuất-hiện ra một hạng địa-chủ lớn có thế lực và có địa-vị, tựa hồ như hạng quí-phái về thời Francs. Ngày xưa ở Bắc-kỳ, có lẽ hạng người đó gồm những họ lớn ở Tàu sang thực-dân, tức là dòng-dõi bọn quan-liêu, ở lại châu Giao để sinh cơ lập nghiệp hoặc là con cháu người Tàu sang trốn-tránh hay bị phóng-trục. Dễ thường hạng đó cũng gồm cả các người bản-thổ là dòng-dõi đời phong-kiến, tức là những lạc-tướng, lạc-hầu đã biết đồng-hóa cái văn-minh của nước Tàu ».

Theo ý ông Henri Maspero, thì bọn « phản nghịch đều ở hạng

người ấy mà ra ». Ông nói : « *Tư trị thông giám* (quyển 279, tờ 8 a) và *Tùy thư* (quyển 2, tờ 8 a và quyển 53, tờ 4 b) cho Lý Bí là người « thổ-nhân đã liên-kết hào-kiệt vài châu », Lý Xuân là người đầu sỏ họ Lý ; còn Lý Phật-Tử, thì gọi là «Giao-châu Lý cừ thủ»(grand chef des Lý de Giao-châu), nghĩa là người đứng đầu làm lãnh tụ cho họ Lý ở châu Giao. Trước khi phản-loạn (đây vẫn là lời bàn của ông Henri Maspero), Lý Phật-Tử đối với thổ dân có quyền-thế đến nỗi quan Tàu phải sinh nghi, toan cho sang Tàu, vào cung-đình, để kiểm-soát trước mắt. Những tướng phản này (vẫn lời ông Maspero) cấp binh-khí cho binh-dân (hầu như gia-thần), làm thành những quân-đội để khuynh-đảo các quan Tàu sang cai-trị. Nhưng chiếm kinh-thành và đuổi thái-thú hoặc thứ-sử thì còn dễ, vì quan Tàu chỉ có độ vài nghìn người ; chứ chống cự với những toán binh đông-đúc, có người đốc-suất từ tế, từ Tàu sang đánh để chinh-phục lại, thì khó hơn. Cho nên các tướng xin hàng ngay ; rồi chẳng bao lâu người đứng đầu làm phản, không trông-cậy vào ai được nữa, đành phải trốn vào núi như Lý Bí, hoặc phải đầu hàng như Lý Phật-Tử ».

Những lý-thuyết ấy, dù có đúng được phần nào chăng nữa, cũng chỉ là lời ức-đoán mà thôi. Duy có một điều nên để ý, mà chính ông Henri Maspero cũng phải căn-cứ vào sử Tàu, chứ không những bằng-cứ vào ý riêng, là ngay sử Tàu cũng phải công-nhận ông Lý Bôn là Việt-đế, và ông Lý Xuân, Lý Phật-Tử là những người « đứng đầu » ở châu Giao, mà lại là những người có thế lực hơn cả. Vậy chép bấy nhiêu ông là « nhà Tiền-Lý », « đời Tiền-Lý », hay theo chữ nho chép làm một « kỷ », đều là chính đáng, vì có một việc chắc-chắn (tuy sử Tàu không chép rõ), là về thế-kỷ thứ sáu, trong khoảng 60 năm, từ 541 đến 602, ở nước ta có ba bốn người họ Lý kế-tiếp nhau để giữ quyền tự-chủ.

Thế là có nhà Tiền-Lý, chứ không phải không.

***

Truyện Lý-ông-Trọng (trả lời báo *Thanh niên*).

Tuần-báo *Thanh niên* ở Sài-gòn, ra ngày thứ bảy 4 Décembre 1943 đăng ở trang 8 (số 14) một bài đề là *Lý Ông Trọng có phải là danh-nhân Việt-Nam không?* Câu mở đầu như thế này : « Trong một số Tri Tân (lầm ; chính là hai số) xuất bản cách đây không lâu, củng (?) nói về Lý Ông Trọng, ông Nguyễn-văn-Tố, trong thiên Đại-Nam dật-sự, đã đặt Lý Ông Trọng vào hàng danh-nhân Việt-Nam ».

Thế thì tác-giả đọc lầm : tôi không hề gọi Lý-ông-Trọng là « danh-nhân Việt-Nam » bao giờ. Cả hai bài đăng ở *Tri-Tân*, số 105 và 106, nói về Lý-ông Trọng và đề là *Người Nam làm quan Tàu*, cũng không có một câu nào hay một chữ nào nghĩa là « danh-nhân Việt-Nam ». Tôi trích ra đây một đoạn nhỏ để độc-giả xem lại : « Lý-ông-Trọng..., tuy có sự-nghiệp vẻ-vang, nhưng *chỉ lợi cho nước người mà thôi, không ích gì cho nước mình cả*. Vì thế mới có câu ca-dao rằng : « Gáo vàng đem múc giếng tây, Khôn ngoan cho lắm, tớ-thầy người ta ! », tức là chê ông, tuy tài-giỏi (vì gáo vàng) mà làm quan với Tàu (múc giếng tây), thật là uổng phí cái đời thông-minh xuất chúng ! » (đăng ở *Tri-Tân*, số 105, ra ngày thứ năm 29 Juillet 1943, trang 4, cột 1 và 2).

Rõ-ràng như thế, mà còn phải hỏi « không hiểu sao » tôi « lại có một thái-độ nhận Lý làm danh-nhân nước Việt » !... Chẳng qua tác-giả bịa chuyện ra mà nói, đặt điều ra mà bẻ xẳng, để nhân đấy « quấy hôi bôi nhọ » !

Ấy thế mà tôi đã phải nói lại một lần nữa rằng Lý-ông-Trọng: « *không có công gì với nước ta cả* » Và tôi cho chuyện Lý-ông-Trọng là « chuyện thần-tiên » : đã là « thần-tiên » thì « đặt vào hàng danh-nhân » làm sao được, và gán làm « danh-nhân » cho nước nào được ! Nguyên-văn đoạn ấy như sau này : « *Nếu* có Lý-ông-Trọng *thật* (xin chú ý vào chữ *nếu*), thì

Muốn làm giàu mua vé số
Dông Phap
1p·00 một vé

NHÀ GIỒNG RĂNG
Đỗ Ngọc-Giao
173 hàng Bông Lờ Hanoi
Mở lâu năm có tiếng là đứng đắn, và làm cẩn thận hơn hết — Công việc, làm nhanh chóng và có bảo đảm.

cũng đáng khen là người chí-khí anh-hùng, vì đang là một tên phu làm xâu cho làng, bị người đầu phu đánh, mà tức giận, bỏ nhà, bỏ nước, đi học, làm quan ; đến khi chết bấy còn nổi tiếng ở nước người. Nhưng ngoài câu chuyện *thần-tiên* ra, *không thấy sách chép có công gì với nước ta cả»* (đăng ở *Tri-Tân*, số 106, ra ngày thứ năm 5 Août 1943, trang 4, cột 1).

Tôi dám chắc rằng không ai đọc bấy nhiêu câu lại đổ cho tôi là « đặt Lý Ông Trọng vào hàng danh-nhân Việt-Nam » ; chỉ có một mình tác-giả bài *Lý Ông Trọng* của báo *Thanh niên* đổ cho như thế mà thôi.

Lúc mới đọc, tôi còn cho là tác-giả sơ ý hiểu lầm ; sau đọc kỹ lại, mới nhận thấy rằng tác-giả dụng tâm nói xấu. Chứng cớ ở câu : « Ông chỉ làm cái việc chép lại ». Chép của ai, chép ở sách nào : tác-giả không nói. Thế mà chỗ này cần phải nói rõ, không được mập-mờ như thế, vì cũng số *Thanh niên* này (là số 14, ngày 4 Décembre 1943), trên bài *Lý Ông Trọng* có câu *Chuyện văn* (ở trang 6) nói « Nhà văn kia... Chỉ việc trích sách của người ta đem in, lấy cớ rằng bộ sách ấy dài quá », v. v... Thế có phải là ăn nói hàm hồ không ?

Tôi thường viết chữ « chép theo » bộ sách chữ nho này, hoặc cuốn sách chữ tây kia, nhưng « chép » đây là *dịch* chữ nho hay chữ tây ra quốc-ngữ, theo tiếng « chép truyện », « chép sử », chứ có phải là đem nguyên-văn của người ta ra mà sao lại đâu ? Phỏng-thử có phải tại tôi viết chữ « chép » mà cũng viết theo, — nhưng tác-giả viết theo một cách ám-muội nham-hiểm ! — thì cũng còn có những lời bàn, như những lời đăng lại trên kia. Nếu « *chỉ* làm cái việc chép lại », thì những lời bàn ấy « chép lại » của ai ?... Có phải rõ là xuyên-tạc vu-thác không ?

Giá tác-giả đã tìm được điều gì ích-lợi cho sử-học nước nhà, thì những lời phỉ-báng, những câu sai-ngoa như thế, tôi cũng làm thinh, cho là chuyện thanh-niên, không đáng kể. Nhưng tác-giả không tìm được điều gì cả, « chỉ làm cái việc » vu-báng với việc phụ họa, mà phụ-họa một cách phệnh-phạo như thế này : « Ông Trọng lúc sống chỉ là một viên võ tướng có oai, khi chết chỉ là một pho tượng canh cửa (vì các đời sau, các tượng đồng, tượng đá, dựng bên các đình đài, mộ môn cũng đều gọi là « Ông Trọng ») thì nước mình có người như thế cũng không thêm danh-giá, không có người như thế cũng không giảm oai-thanh ».

Mới đọc, ai chẳng bảo tác-giả thật là sáng-suốt, biết cả chữ « ông trọng » là tiếng gọi chung các pho tượng, xưa nay chưa từng thấy ai cắt nghĩa ở quyển Hán-Việt từ-điển nào cả. Nhưng kỳ thực tác-giả chỉ dựa vào đoạn sử chữ nho mà tôi đã dẫn trong *Tri-Tân* ; đoạn ấy trích ra như sau đây : « Đến như việc Lý-ông Trọng lập công ở di-vực, người Tần đúc tượng để dọa Hung-nô, cũng chưa chắc có, vì từ Tần, Hán về sau, cung-điện nhà vua phần nhiều có tượng người tượng ngựa để trấn-áp... thế thì cái tên gọi là « ông trọng » cũng như tên thần phi-liêm » (*Tri-Tân*, số 106, ra ngày thứ năm 5 Août 1943, trang 4, cột 3, và trang 5, cột 1).

Tác-giả « quên », không chưa xuất-xứ ở đâu : cái đó đã cố nhiên đi rồi ; nhưng sao lại còn khuếch-khoác nói những : « dù sao ta cũng cần phải tìm sự thực là hơn, nhất là trong Quốc Sử », rồi dám bịa ra rằng tôi « không làm thế » ? Thế thì những bài tôi dịch ở bộ *Đại-Việt sử ký toàn-thư* và mấy bộ nữa, không phải là « quốc sử » à ? Tác-giả chỉ dịch có một đoạn trong *Khâm-định Việt-sử* (là bộ sách làm năm 1856-1878, sau bộ *Toàn-thư*, soạn năm 1479) ; nhưng đoạn ấy cũng *giống như* đoạn của tôi đã đăng trong *Tri-Tân* (số 106, ngày 5 Août 1943, trang 4, cột 2). Thế mà tác-giả còn khệnh-khạng gọi là « xét lại *Khâm-định Việt-sử* » (1), rồi đặt một câu hỏi rằng :

(*Xem tiếp trang 12*)

Đã có bán về dịp Tết :

NỬA ĐÊM

Truyện thôn-quê
của Nam-Cao giá 2$00

Nam Cao là một nhà văn chuyên tả phong-tục thôn quê Việt-Nam, với một ngòi bút đanh thép. Nếu các bạn muốn hiểu người dân quê Việt Nam một cách sâu-sắc, nếu các bạn muốn có những kiến thức rất thực về thôn-quê Việt Nam ; nói tóm lại, nếu các bạn muốn hiểu đồng bào một cách chu-đáo, các bạn đều nên có cuốn **Nửa đêm của Nam-Cao.**

VUI XUÂN

Tức Hoa-Mai số Tết
của Ngô-Hòa giá 0$30

Phách bướm hồn hoa

Tức Hoa-Mai số Mùa Xuân
của Thế-Hưng giá 0$30
Nhà xuất-bản Cộng-Lực
N° 9 Rue Takou — Hanoi

Nhân tết đến chúng tôi nói tới :

TỪ TINH-THẦN QUỐC-GIA CỦA DÂN NƯỚC VIỆT-NAM ĐẾN SỰ THỐNG-NHẤT CỦA NƯỚC ẤY

Số 2

Mãn-Khánh DƯƠNG KỲ

III. — Cuộc thống nhất tan rã

Từ khi lấy thêm đất chàm, nhất là sau lúc thôn-tính được châu Vijaya (tỉnh Bình-định), nước ta thành rộng và dài. Mà trái lại kinh-tế của nước thì chưa tiến-hóa được bao lâm, sự giao-thông chưa tiện lợi, nên trong nước lại phải chia ra từng khu-vực. Cũng giống như một hồ nước cạn, nhơn mặt đất bỗng thình-lình xên lệch, nước tràn đến nơi khác, nhưng vì ít không làm được một hồ to, mà phải tùy theo địa thế chia ra từng vũng nhỏ.

Nói một cách khác là sự tiến-hóa về kinh-tế của dân-tộc ta hồi bấy giờ không theo kịp nhịp của việc mở-mang bờ cõi quá mau-chóng, lẹ-làng. Trong lịch-sử của bất kỳ dân-tộc nào, đến khi đã có sự chênh-lệch, mất quân-bình như thế, thì dân-tộc ấy phải khổ-sở lầm-than. Qủa thực vậy, dân Việt do thế mà đau-đớn ngót hơn hai thế-kỷ vì chia rẽ, phân-ly.

Vả chăng, kinh-đô lại đóng ở Đông-kinh, lúc bấy giờ không phải trung-tâm điểm của nước nữa. Mấy năm tiếp sau khi vua Lê-Thánh-Tông nới rộng bờ cõi cho thấu Thạch-bi-sơn, đất-đai mới chiếm được của người Chàm, dân ta còn ở thưa-thớt thì chẳng nói gì, chứ dần-dần, về sau, di-dân Việt mỗi ngày mỗi vào Nam thêm đông-đúc, mệnh-lệnh của chính-phủ trung-ương chắc hẳn cũng không được toàn-quốc tuân theo một cách sốt-sắng như ở Đông-kinh nữa,

Mầm chia-rẽ đã sinh, chỉ chờ cơ hội thuận-tiện là nảy nở. Cơ hội ấy là tình-thế hèn kém của Triều-đình mà nhà Lê từ 1505 đến 1522. Vua đã bất tài, hôn-ám, lại còn tàn-ngược, các quan to tại Triều chia ra làm bè-đảng, giành quyền tranh lợi, chẳng có ai nghĩ đến sự ích chung của cả giống-nòi.

Trong lúc ấy, ông quan nào tài giỏi, táo-bạo lanh tay hơn hết thì tóm được chính-quyền ; đó là trường-hợp của Mạc-đăng-dung dựng lên cơ-nghiệp nhà Mạc vậy (1522) (1)

Chia hai (1533-1600). — Các ông quan khác, bạn đồng triều với Mạc-đăng-Dung, thấy mình chậm tay mà mất nhịp tốt, và nghĩ rằng địa-vị của Mạc-đăng-Dung đáng lẽ là đại-vị của mình, bèn lấy danh-nghĩa nhà Lê tôn vua Lê-Trang-Tông ở Thanh-hóa (1533) để chống nhau với nhà Mạc : thế là trong nước chia ra làm hai : Mạc, Lê (Trịnh).

Chia ba (1600-1667). — Nhưng sự chia-đôi nói trên chỉ là cảnh đầu của lớp tuồng nước ta phân-tranh tơi-bời, và đem lại cho dân tộc ta một sự chia-rẽ gay-gắt hơn nữa, Ở Đàng-ngoài, Mạc Trịnh tranh nhau, không thể chặt-chẽ khống-chế Đàng-trong. Do thế, Nguyễn-Hoàng có đủ thì-giờ củng-cố thế-lực của mình, rồi chẳng bao lâu, sau khi thoát khỏi sự bị giam lỏng ngoài Bắc (1660) mà lại trở về được trong Nam, bèn ngấm-ngầm lo việc tự-trị. Đến đời con là Sãi-vương thì công-nhiên tuyệt-giao rồi đánh nhau với Trịnh. Thế là cuộc tam-phân thực-hiện. Trong lúc bấy giờ dân-tộc ta thực khổ-sở : Mạc Trịnh Nguyễn quây-quần đánh nhau. Mãi đến lúc Mạc-kính-Vũ bị đuổi (1667), mạn Cao-bằng mới yên, Đàng-ngoài mới thống-nhất.

Chia hai (1667-1788). — Mạc vong, Trịnh Nguyễn tiếp tục việc tranh-đấu. Rồi không làm gì nhau nổi, nên nhân-dân cũng nhờ thế ngồi-ngơi được đôi phần, nhưng nghỉ một độ dề sau nầy nhà Tây-sơn nổi lên, lại rối-rít quây-quần đâm chém nhau, khốc hại không biết thế nào mà kể.

Bị chúa Trịnh chặn ngang

sông Gianh, chúa Nguyễn lo gây thêm thế-lực của mình, bằng cách tiến vào Nam.

Chỉ trong khoảng hơn trăm năm (1611 - 1757) người mình nuốt được đất-đai của nước Chiêm-thành còn lại, và xé nửa nước Chân-lạp, nới rộng bờ cõi cho thấu Hà-tiên, nghĩa là lấy được khoảng đất rộng mênh-mông từ Phú-yên cho thấm các tỉnh toàn xứ Nam-kỳ bây giờ.

Trong thời-kỳ nầy của lịch-sử nước ta (Trịnh - Nguyên phân-tranh), ta nên để ý đến điều nhận - xét nầy : sở-dĩ dân-tộc ta gấp-gáp tiến vào Nam là vì trong nước chia-rẽ, Đàng-trong bị Đàng-ngoài chặn ngang sông Gianh, Nhưng về sau thì chính một phần vì sự Nam-tiến ấy mà trong nước đã chia rẽ lại càng chia-rẽ thêm : quả quay lại làm nhân, nhân trở về làm quả. Thực thế, khi Đàng-trong đã thôn-tính được đất xứ Nam-kỳ bây giờ, đất-đai thành rộng mênh-mông, mà trình-độ tiến-hóa về kinh-tế không được bao lăm, đường giao-thông chưa tiện-lợi, nên phải chia-rẽ : hiện-tượng đã xảy ra sau khi vua Lê-Thánh - Tông lấy châu Vijaya lại tái-diễn. Gặp cơ-hội thuận - tiện,

Dạy học thuốc và chuyên chữa nội-khoa
theo thể-thức
ĐÔNG-PHƯƠNG
chỉ có :
Thượng-Đức
15 mission Hanoi — Tél. 1629
đã được tin-nhiệm hoàn toàn

Thống chế Pétain đã nói :

« Làm cho người Pháp ai ai cũng hiểu tình đoàn kết chặt chẽ nó ràng buộc nhân-dân một nước thì thật là điều hay. Mỗi người, lúc nghĩ đến gia-đình, cũng nên nghĩ đến kẻ khác nữa ; như thế mới tránh được lòng ích kỷ nó đã làm tai hại cho ta bao nhiêu ».

Tây-sơn dấy nghiệp (1773), đuổi, giết chúa Nguyễn. Trong xứ chia ra làm hai phe, Tây-sơn và Nguyễn, giằng xé nhau, do thế mà cuộc diện của toàn quốc đi đến chỗ tam-phân vậy.

Chia ba (1778-1793). — Chúa Nguyễn-Ánh sau mấy lần thất-bại mới lấy hẳn lại được Gia định trong năm 1788. Trung-ương Hoàng-đế Nguyễn-Nhạc hùng-cứ ở miền Nam xứ Trung-kỳ bây giờ. Vua Quang-Trung sau khi diệt Trịnh, giết Nguyễn-hữu-Chỉnh đánh tan quân Tàu, làm vua từ Quảng-nam sấp ra. Đó là chỉ nói đại-lược, chứ thực ra nước ta hồi bấy giờ quá đổi rối-ren, dân-tình cực-kỳ khổ-sở. Tây sơn đánh Nguyễn, đánh Trịnh, đánh Nguyễn-hữu-chỉnh, đánh Tàu, rồi xây lại đánh Nguyễn ; Nhạc Huệ giành tỉnh Quảng-Nam khai chiến với nhau, bao nhiêu chiến-tranh khốc-hại chồng-chất trên đầu dân Việt. Mãi đến lúc vua Quang-Trung dẹp yên, các tướng của vua Nguyễn Quang-Toản nhơn vào cứu Nguyễn-Nhạc khi ấy đang bị Nguyễn-Ánh vây, liền thừa cơ-hội ấy, sau khi đuổi được quân Nguyễn, bèn chiếm thành Bình định (1793), đến bấy giờ trong nước mới còn lại hai phe là Nguyễn Ánh và Nguyễn-quang-Toản.

Chia hai (1793 1802). — Hai phe nầy còn vật-lộn trong chín năm trời nữa, đến 1802, vua Gia-long mới lấy được toàn-cảnh nước Việt-Nam rồi lên ngôi Hoàng-đế.

Sau hơn hai thế-kỷ rưỡi, nước ta bị chia rẽ, trải qua biết bao nhiêu cuộc xáo trộn đẫm máu, những cuộc xáo-trộn ấy lúc đầu thì còn cách nhau xa, nhưng đến sau dồn-dập tới-tấp, có thể tưởng rằng dân-tộc ta đã được khuấy đảo như thế, nên khi vua Gia-long lên ngôi thì đã « nhuyễn », « ngấu », « nhừ » nước ta được thống nhất. Nhưng, thực ra, chưa có thể thế được.

Đi đến giai-đoạn thống nhất (1802-1820). — Vua Gia-long cũng hiểu như vậy, và muốn cho dễ cai-trị, trong lúc mới giành lại ngôi báu, ngài bèn đặt ra Gia-định-thành và Bắc-thành Tổng-trấn. Triều-đình chỉ trực-trị đoạn giữa mà thôi (trực lệ), chứ tại Gia-định-thành và Bắc-thành thì quan Tổng-trấn được toàn-quyền cai-trị. Ở tại mỗi xứ ấy lại đặt ra một cơ-quan hành-chính giống như cơ

(*Xem tiếp trang 14*)

1) Mạc-đăng-Dung đến 1527 mới lên ngôi vua, nhưng thực thì Đăng-Dung đã làm chủ trong nước từ 1522 là lúc Lê-chiêu Tông bỏ Kinh-đô chạy đi Sơn-Tây, và Đăng-Dung lập ông vua bù-nhìn Lê Cung-Hoàng lên thế.

SÁCH TRIẾT-HỌC

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Tự vị tây thường cắt nghĩa chữ « triết học » (philosophie) là môn học nghiên-cứu về các nguyên-lý và các nguyên-nhân (science des principes et des causes) của vũ-trụ với vạn vật.

Người chuyên-khảo về khoa này gọi là người triết-học, hoặc nhà triết học ; chữ tàu gọi là triết nhân chữ tây gọi là philosophie, nhưng chữ tây còn có nghĩa là hiền triết (qui pratique la sagesse) Hiền-triết là bậc có đạo-đức cao-minh và có học-thức uyên-bác, tức như nho-giáo gọi là hiền-nhân quân-tử.

Gần đây, xuất-bản rất nhiều sách triết học bằng quốc-ngữ. Có quyển cho triết-học với triết-lý giống nghĩa nhau. Ông Nghiêm-Tử, tác-giả quyển *Triết-học là gì?* (đăng trong *Văn mới* ngày 25 Septembre 1943, được 190 trang 11×18), nói : « theo nghĩa thông-thường (?) thì *triết-lý* chỉ (?) là luận về nguyên-do của mọi việc, mọi sự ».— Thế thì *triết-học* còn luận về việc gì ?

Ông nói : « Triết-lý lại là cái quan-niệm của mỗi người chúng ta đối với ngoại-vật, đối với cuộc đời » (trang 25). Chỗ này có lẽ cũng nhầm, vì các sách đều cắt nghĩa chữ triết-lý là cái lẽ tinh-vi, cái nghĩa đương-nhiên (ai cũng công-nhận) của một đạo-học hay một triết-học, thí-dụ cái triết-lý của nho học, Phật-học, cái triết-lý của Aristote, Descartes, v. v. tức như cái thể-hệ, cái môn-phái của khoa triết-học (système philosophique). Không ai nói « cái triết-lý của anh no bụng », « cái triết-lý của kẻ bị đói và rét », như ông Nghiêm Tử, vì cái đó đã có tên riêng, là « ý kiến », « ý-nghĩ » (tức quan-niệm), hoặc nói rộng ra là cái thuyết theo cái lý của một người, một phái, tức « lý-thuyết », chứ không phải « triết-lý ».

Ông Nghiêm Tử nói : « Chỉ có một cách làm cho triết-học không tác hại được (?), mà lại còn bổ ích đôi chút », là « *dùng phương-pháp khoa-học để nghiên-cứu triết-học* » trang 190). Nhưng ông không dùng cái phương-pháp ấy : ở trang 14, nhân nói đến Khổng-giáo, thay « phái khinh rẻ triết-học », ông dẫn một câu rất thô-bỉ tục-tằn, không có vẻ khoa-học một tý nào ; đến trang 44, ông ghép Dương-Chu vào phái Lão-tử, cũng không đúng phép khoa-học, vì chính phái Lão-tử (nhất Trang-tử), hay bác thuyết Dương Chu (Xem quyển Marcel Granet, *La pensée chinoise*, trang 542 ; quyển Alexandra David, *Les théories individualistes dans la philosophie chinoise : Yang-tchou*, và câu sau này trong bài *Sãi vãi* của Nguyễn-cư-Trinh, đăng ở tập kỷ-yếu Hội Trí-tri Bắc-kỳ, năm 1920, trang 22 : « Kia Mặc-Địch Dương-Chu, tu một việc vị nhân, vị ngã. Nhờ một mảy mà lợi trong thiên-hạ, thì Dương-Chu một sự chẳng vui. Mài hết trán mà lợi có một người, thì Mặc-Địch một lòng chẳng nại ».

Còn nhiều chỗ sai nữa, nhất là những câu văn dịch thì lại càng rõ, như câu « La philosophie s'appuie sur la science, l'enveloppe et la suppose » (ở trang 109), mà dịch là « Triết-học vượt ra ngoài khoa-học, nhưng vẫn dựa vào khoa học », thì nhầm hẳn : chính nghĩa là « Triết-học dựa vào khoa-học và bao-phủ lấy khoa-học ; trước tất có khoa-học, sau mới có triết-học ».

Quyển *Triết học đại-cương* của ông Lam-Giang (in trong Tủ sách học-thuật, do Quốc-học thư-xã xuất-bản, được 147 trang 12×19) cũng dùng chữ khoa-học. Có một đoạn nói rằng : « Theo kinh Dịch, Thái-cực hình tròn bao-quát cả không-gian, vì có luân-chuyển nên phát-sinh hai khí Âm và Dương. Mọi vật đều do Âm-Dương, Ngũ-hành kết-hợp mà thành, kể cả thân người nữa. Thuyết âm-dương và ngũ-hành có vẻ khoa-học hơn thuyết « Thái Sơ noãn » của Onomacrite » (trang 19-20).

Phòng thuốc
CHỮA PHỔI
chuyên môn về bệnh Phổi
15 hàng Bè (Radeau)
Hanoi — Tél. 1630
Giờ mở cửa :
Sáng từ 8 đến 12 giờ
Chiều từ 2 rưỡi đến 7 giờ
Chủ nhật nghỉ buổi chiều
Đặc biệt : *Thứ ba, thứ sáu xem mạch, cho đơn không lấy tiền.*
Ở xa mua thuốc gửi lĩnh hóa giao ngân. Và muốn hỏi bệnh gì, đính theo tem 0$06, sẽ được trả lời ngay.

Sách của ông Lam-Giang chỉ chép những điều cốt-yếu, nên không nói rõ hơn được. Nay thử lấy sách chữ Hán, như quyển *Hà-thượng Dịch-trú* (sách của Trường Bác-cổ, số 2107, Đồ thuyết hạ, tờ 26 a-27 a) xem người Tàu chép ra làm sao : « Chu-tử rằng : « Vô-cực mà thái-cực ». Thái-cực động mà sinh dương, động-cực mà tĩnh, tĩnh mà sinh âm, tĩnh-cực lại động, một động một tĩnh, thay đổi nơi gốc, chia ra âm dương, dựng thành hai nghi... Nghi là Âm dương đã định phận mà cùng sánh đôi. Dương biến, âm hợp, mà sinh thủy, hỏa, mộc, kim, thổ : năm khí thuận ra, bốn mùa nên vậy..., Dương nhờ nước (thủy) mà sinh cây (mộc), âm nhờ lửa (hỏa) mà sinh đất (thổ), đất sinh vàng (kim). Bấy giờ thủy, hỏa, yên ngôi ở nam, bắc, để chủ mùa đông và mùa hạ ; mộc, kim, yên ngôi ở đông, tây, để chủ mùa xuân và mùa thu. Thổ ở trung-ương mà chia vượng-khí về bốn tháng cuối mùa, năm hành cũng sinh mà thuận ra khí ấy... năm hành là một âm dương, âm dương là một thái-cực, thái-cực gốc ở vô-cực... »

Xem không lấy gì làm khoa-học. Phải có sách dẫn-giải, thì họa may mới hiểu được ít nhiều. Có lẽ lắm chữ lại không giống nghĩa thông-thường hay nghĩa hiện-thời. Biết đâu ngày xưa chẳng có một thứ sách để tra, như tự-vị chẳng hạn, hay có sách chép rõ hơn sách bây giờ ?

Từ năm 1844, ở bên Âu-Mỹ có mấy nhà học-giả đã gia công nghiên-cứu ; riêng bên Pháp, có ông Stanislas Le Gall làm quyển *Le philosophe Tchou Hi* (xuất-bản năm 1894), ông René Grousset làm quyển *Histoire de la philosophie orientale* (xuất-bản năm 1923), ông Marcel Granet làm quyển *La pensée chinoise* (xuất-bản năm 1934), v. v. Phải lấy sách của các ông ấy ra tham-khảo với sách Tàu, thì mới mong viết được một quyển triết-học rõ-ràng và đúng phép khoa-học.

Sách ông Lam-Giang thường dùng hai chữ « An-nam », như trang 6 có câu « Người nhà quê An-nam...», trang 13 có chữ « dân An-nam », v. v. Người mình dùng đã quen, nhưng mà người làm sách không nên dùng, vì hai chữ « An-nam » của Tàu đặt ra từ ngày nội thuộc, người Tây thường dịch là « phía Nam đã dẹp yên » (Sud pacifié), này tự mình lấy ra gọi lẫn nhau, thì chẳng hóa ra mình vẫn tự ý thần-phục ư ?

Nguyên đời vua Lý Thánh-Tôn (1054-1072) đặt tên nước ta là Đại-Việt, đến đời vua Gia-long (1802-1819) đổi làm Việt-Nam, đời vua Minh-mạng (1820-1840) đổi làm Đại-Nam. Từ bấy giờ chưa thấy đổi sang tên khác, thì việc gì lại trở lại cái tên đặt từ đời Bắc-thuộc ?

Tôi thiết nghĩ rằng những nhà làm sách viết báo quốc-văn nên đồng lòng bỏ hẳn chữ « An-nam » và khuyên độc-giả chớ nên dùng chữ Đại-Việt, Việt Nam, hoặc Đại Nam. Chư Đại Nam hiện vẫn dùng trong công-văn, cùng sách nho sách nôm, như quyển Đại-Nam *liệt-truyện*, Đại-Nam *nhất thống chí*, Đại-Nam *quốc-sử diễn-ca*. v.v.

(Còn nữa)

Ứng-hòe NG-VĂN-TỐ

Tùy hứng

TIỄN XUÂN

Xuân về chưa ấm chỗ ngồi,
Này Xuân đứng dậy đi rồi hỏi ai !
Xuân về ba tháng bao dai ? (1)
Xuân đi chín tháng lại dài bằng ba !
Xuân về, người chẳng trẻ ra,
Xuân đi người lại thêm già, mới cay !
Trước thềm, Xuân cởi hoa bay,
Trên thềm, Ai đứng canh chầy sầu Xuân.

ĐAU-TIẾP

1) Bao dai, tiếng Nam kỳ, nghĩa là dài bao nhiêu.

Gia đình nào cũng nên có một quyển

GIA LỄ GIẢN YẾU

của
cử nhân
Dương-bá-Trạc
soạn

Có đủ các lễ tang, lễ dỗ, lễ tết, các cách để trở, các bài văn khấn, văn tế, và khoản thức biên gia phả.

Giá 0$10 cước 0$07

Bán tại hiệu Đông-Tây
195, hàng Bông Hanoi

NHÀ THỤC và NHÀ TRIỆU

Số 2

ĐÀO-DUY-ANH

Triệu-Đà. — Các nhà sử thần nước ta, từ Lê-văn-Hưu trở xuống, chép việc nhà Triệu là phần nhiều dựa vào mục *Liệt-truyện* trong sách *Sử-ký* của Tư-mã Thiên chép truyện Triệu Đà (1), tức là những sử liệu có giá trị, duy về việc Triệu-Đà gồm chiếm Âu-Lạc, thì sử cũ chép có hơi khác, và về chuyện Trọng Thủy lấy trộm nỏ thần thì sử cũ theo sách *Lĩnh-Nam-Trích Quái* hoặc sách *Giao-Châu ngoại vực ký*

Về việc gồm chiếm Âu-Lạc, ta thấy sử cũ chép có hơi lôi thôi. Sử cũ chép theo các sách Hoài-Nam-tử, Sử ký và Hậu Hán thư, nhưng lại dồn vào một năm Đinh-hợi (214) rất nhiều việc. Đó chẳng qua là các sử thần không nhận rõ nên hiểu nên chép dồn lại như thế. Ta lại thấy có một điều mâu thuẫn là nhà Tần đã đặt ba quận Quế-Lâm, Nam Hải và Tượng-Quận, theo lời chú thích tức là An-Nam, mà đến sau Nhâm Ngao và Triệu Đà lại còn mưu lấn đất ta, tức là đất An-Nam. Theo tôi hiểu thì Lê-văn-Hưu, sau đến Ngô-Sĩ-Liên, theo các thư tịch cũ của Tàu, đều cho rằng nhà Tần chinh phục miền Bách-Việt chưa xong hết, mới đặt ba quận Quế-Lâm, Nam-Hải và Tượng-Quận, sai Nhâm Ngao và Triệu Đà cai trị quận Nam-Hải, rồi nhân Trung-Quốc có loạn, Ngao với Đà mới mưu chinh phục Âu-Lạc. Ngao chết, Đà xưng vương rồi xưng đế, rồi mới thực hiện được cái mưu lấn đất Âu-Lạc kia. Điều mâu thuẫn là do người chú giải theo thuyết chính thống cho Tượng-Quận là đất Việt-Nam đời Hán mà giải rằng Tượng-Quận là An-Nam. Về việc chinh phục Âu-Lạc ấy, sách *Sử-ký* chỉ chép rằng: « Cao-hậu mất, tức thì bãi binh Đà nhân thế mà đem binh thị uy ở miền biên giới và lấy của cải để dút lót cho hai xứ Mân-Việt và Tây Âu-Lạc, sai khiến được họ ». Theo đoạn sách ấy thì Triệu-Đà thần phục các xứ Mân-Việt và Tây-Âu-Lạc vào năm 180 trước kỷ nguyên 2), mà theo sử cũ của ta thì việc ấy ở vào năm trước, 181 trước kỷ nguyên. Chỗ nầy không hiểu sử ta theo sách nào, xét rằng *Sử-ký* của Tư-mã-Thiên là sách xưa nhất nói về việc nầy thì ta có thể tin rằng năm của *Sử-ký* chép là đúng hơn.

Sau đoạn chính văn của *Sử-ký* ấy, ta lại thấy có lời chú của họ Diêu dẫn sách *Quảng-Châu-Ký* nói rằng Triệu-Đà đánh phá An-Dương-Vương rồi thì « sai hai quan sứ cai trị hai quận Giao-Chỉ và Cửu-Châu, tức là Âu-Lạc ». Sử ta, bằng cứ vào chữ Nam-Việt-vương trong đoạn văn của sách *Quảng Châu-Ký* ấy mà cho rằng Triệu-Đà sai hai sứ cai trị hai quận là vào năm qui-mão (198), tức là khi Đà mới tự xưng là Nam-Việt-Vương. Theo sử cũ ta chép đó thì thấy có điều mâu (3) thuẫn: Nếu Đà đã sai người cai trị Âu-Lạc thì sao đến khi xưng đế còn phải đem của cải mà dụ dỗ nữa?

Ô. L. Aurousseau thừa nhận thuyết của sử cũ ta, lại bằng vào chỗ sử ta nói, năm Giáp-ngọ (207), Triệu Đà gồm chiếm đất Quế-Lâm và Tượng Quận (ông cho Tượng-Quận tức là Giao-Chỉ với Cửu-Chân), mà chủ trương rằng Triệu-Đà phải chinh phục Tượng-Quận tức là Âu-Lạc, trước năm 207. Chinh phục được Âu-Lạc rồi, Triệu Đà mới đặt hai xứ đi cai trị hai quận Giao-Chỉ và Cửu-Chân (đất Âu Lạc cũ). So với sử ta nói rằng năm 208 trước kỷ nguyên, Triệu-Đà diệt nhà Thục, thì ức-thuyết của L. Aurousseau có phần phù hợp. Song giảng như thế thời phải bỏ hẳn chỗ *Sử-ký* nói rằng sau khi xưng đế, Triệu-Đà đem tiền dụ dỗ xứ Âu-Lạc để khiến họ thần phục.

Nhưng nếu Tượng-Quận (4) không phải là đất Âu-Lạc, tức Giao-Chỉ và Cửu-Chân, thì ta có thể cho rằng câu sách nói Triệu Đà gồm chiếm Quế-Lâm và Tượng-Quận, rồi họp lại với đất Nam-Hải là bản bộ của mình, là chỉ mới chiếm lấy những quận của nhà Tần đặt ra ở phương Nam, sau khi cuộc chinh phục thất bại ở đất Âu-Lạc. Vậy thì Triệu-Đà không thể sai sứ đi cai trị hai xứ Giao-Chỉ và Cửu-Châu được.

Vả chăng sách *Quảng-Châu-ký* chép việc sai hai sứ cai trị hai quận cũng không nói rõ về năm nào. Sử thần ta với L. Aurousseau bằng vào chữ Việt-Nam-vương mà đặt việc ấy vào lúc trước khi Triệu-Đà xưng đế. Xét sách *Giao-Châu ngoại-vực ký* do *Thủy-kinh-chú* dẫn về việc ấy chỉ nói Việt-vương, rồi một chỗ khác lại nói « Nam-Việt-vương Triệu-Đà cử binh đi đánh An-Dương-vương » (Theo *sử-ký*, khi cai trị Âu-Lạc thì Triệu-Đà đã xưng đế rồi) thì ta có thể nói rằng sách ấy không dụng tâm phân biệt Nam-Việt vương với Nam-Việt đế. Như thế thì ta cứ nên hiểu câu họ Diêu dẫn ở trên theo nghĩa xuôi, nghĩa là sau khi Cao hậu mất (năm 180)

Triệu-Đà bèn đánh diệt An-Dương-Vương (Sử-ký chép là dùng của cải để dụ dỗ) (5) rồi sai hai sứ đi cai trị hai quận Giao-Chỉ và Cửu-Chân của nước Âu-Lạc, chứ không nên viện chữ Nam-Việt vương mà đặt việc ấy về trước.

Sử của ta thì lại chép việc Triệu-Đà lấy nước Âu-Lạc vào năm 208. Chắc rằng các nhà sử cũ chỉ bằng cứ vào truyền thuyết, ta không thể lấy đó làm sử liệu chắc chắn được.

Song dù ở trước khi Triệu-Đà xưng vương hay là sau khi Triệu-Đà xưng đế ta cũng có thể tin rằng có việc chinh phục nước Âu-Lạc bởi Triệu-Đà, duy chỉ tiết cuộc chinh phục ấy là thế nào thì hiện nay ta chưa biết được. (6)

Triệu-Đà là người Tàu, lấy danh hiệu là vương hay là đế nước Nam-Việt, đóng đô ở Phiên-Ngung thuộc tỉnh Quảng-Đông ngày nay, mà gồm chiếm đất Âu-Lạc, tức đối với Âu-Lạc là kẻ xâm lược, chứ không phải là vua bản xứ. Vậy sử cũ của ta chép nhà Triệu làm một triều vua bản xứ, có lẽ không được thỏa.

Ý kiến ấy, Ngô-thời-Sĩ, trong sách *Việt-sử tiêu-án* cũng đã bày tỏ như sau này:

« Sử cũ, sau khi An-Dương-Vương mất rồi, đem quốc thống trao cho họ Triệu tiếp nối, và viết lớn mấy chữ *Vũ đế nhà Triệu*. Người sau cứ theo vậy, không biết đó là lầm. Xét nước Việt ở miền Nam-Hải, Quế-Lâm, không phải nước Việt ở miền Giao-Chỉ, Cửu-Châu và Nhật-Nam. Đà nổi dậy ở Long-xuyên, dựng nước ở Phiên-Ngung, muốn mở mang bờ cõi mà gồm chiếm nước ta để làm thuộc quận, đặt người giám-chủ để ràng buộc, thực chưa từng làm vua nước ta. Nếu lấy lẽ làm vương nước Việt mà kể làm triều vua nước ta thì sau đó có Lâm-Sơ-Hoằng nổi ở Thầm-Dương, Lưu-Nghiễm nổi ở Quảng-Châu, đều xưng là Nam-Việt vương, cũng có thể buộc vào sử ta mà kể làm triều vua được. Đà gồm Giao-Châu cũng như Ngụy gồm đất Thục. Nếu sử Thục mà có thể cho rằng họ Ngụy nổi lên để nối họ Trần, thì sử ta mới có thể cho rằng họ Triệu nổi lên để nối An-Dương. Nếu không thế thì xin chép làm *Ngoại thuộc* để phân biệt với *Nội-thuộc* vậy ».

Lời bình luận của Ngô-Thời-Sĩ rất xác đáng. Ở sau Ngô lại còn phản đối kịch liệt những nhà sử ta nhầm mắt tán dương Triệu-Đà là một vị vua giỏi của nước ta, mà cho rằng « nước ta nội thuộc Trung-Hoa từ Hán đến Đường, suy nguyên thủ họa chính là Triệu-Đà ». Duy sự phân biệt Ngoại-thuộc với nội-thuộc tưởng chưa được ổn; tôi tưởng nên kể cả là Bắc-thuộc.

Tóm lại, trái với ý kiến của nhiều nhà, tôi tưởng rằng trong bộ sử ta cứ tạm để An-Dương-Vương nhà Thục làm triều vua bản xứ mà cho cuộc chinh phục của Trung-Hoa, tức cuộc Bắc-thuộc, mở đầu từ Tần-Thủy-Hoàng mà thu hiệu quả ở Triệu-Đà rồi tiếp đến nhà Hán. *(Hết)*

ĐÀO-DUY-ANH

(1) Sử-ký, *quyển 116 — xem luôn* Tiền-Hán thư, *quyển 95.*

(2) *Xem H. Maspero,* La commanderie de Siang. — *B. E. F. E. O, f. XVI, n° 1, p 53.*

(3) *Sách Đại-Việt sử-ký thì lại chép là năm 207 là chính năm Triệu Đà tự xưng Nam Việt-Vương.*

(4) *Về vấn đề này L. Aurousseau (trong bài đã dẫn), và H. Maspero (trong bài* La commanderie de Siang, *B E. F. E. O, f XVI, n°) đã tranh biện nhiều, người Nhật là Tá Bỵ Nghĩa Minh cũng có viết một bài (khảo về vị trí của Tượng-Quận),* Nam-phong Tạp-chí *số 133 (septembre 1928) đã trích đăng ở phần chữ hán. Tôi sẽ có bài bàn lại về vấn đề này.*

5) *Truyền thuyết của ta ghi lại kỷ niệm một cuộc đánh nhau giữa Triệu-Đà với An Dương vương. Tuy là truyện hoang đường, nhưng cái cốt chiến tranh vốn có rồi sau tưởng tượng của người ta mới thêu dệt lên trên những chuyện hoang đường. Có lẽ sự thực là Triệu-Đà đem của cải dụ dỗ không xong — chuyện dụ dỗ này có lẽ đã hóa thành chuyện Trọng Thủy gởi rể trong truyền kỳ — rồi mới đem binh chinh phục.*

6) *Về chuyện Nỗ thần tới không bàn đến, nhưng xin nhắc rằng trong sách Việt-sử tiêu-án, Ô Lê Văn-Hòe có dẫn lời sách Việt-kỉ u thư rằng: « Cổ Man-động miền Nam Việt về đời Tần rất mạnh. Dân bản giỏi lắm dùng tên bằng đồng, mỗi phát bắn ra trúng sát qua mười người. Triệu Đà e sợ Man-vương có người con gái tên là Lan Châu, người rất đẹp mà chế nỏ rất tài Đà sai con trai tới gởi rể. Không đầy 3 năm con trai Đà hiểu biết cách chế nỏ và phá nỏ. Đà liền đem binh tới đánh giết Man-vương, chiếm đất làm vua ». Sách ấy dẫn bằng cứ vào đâu mà chép thế? Điều này tôi chưa khảo được nên chỉ xin dẫn ra đó để chất chính các nhà học-giả cao minh.*

T. B. Trong bài La première conquête chinoise des pays annamites L. Aurousseau cho rằng trong khoảng năm 210, sau khi Tần-Thủy Hoàng mất, Trung-Quốc thành cuộc loạn, có một người con vua Thục nào đó, nhân Tượng Quận ở xa, nổi lên chinh phục lấy đất Tượng-Quận mà ông cho là Âu-Lạc, rồi xưng là An-Dương-Vương. Đến năm 208 thì An Dương-Vương bị Triệu-Đà đánh diệt thế là nhà Thục chỉ sống có 2 năm.

Tôi không nhận Tượng-Quận là Âu Lạc ở trước tôi đã ức thuyết rằng Thục-Phán nổi lên vào khoảng năm 219 ở sau tôi lại cho rằng Triệu-Đà chinh phục Âu Lạc sớm nhất là năm 180 trước Kỷ-nguyên. Thế là nhà Thục sống được gần 40 năm, gần với số 50 năm theo sử cũ của ta.

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

(Tiếp theo trang 5)

« Ông Trọng họ Nguyễn hay họ Lý, ta nên bằng-cứ vào đâu cho chắc ? »

Đọc câu hỏi này với câu « quốc-sử » kia, ai chẳng tưởng rằng tác-giả sẽ lấy hết sách ra để « tìm sự thực » ? Nhưng tuyệt-nhiên không tìm chi cả, chẳng dở-quốc-sử, mà cũng chẳng trả lời, chỉ...tra tự-vị *Tàu*, dẫn chữ « Nguyễn - ông - Trọng » theo bộ *Từ - nguyên*, rồi bỏ đấy, mặc « quốc sử » lẫn « sự thực » !

Thế mà câu hỏi ấy có khó gì đâu ! Quyển *Việt sử lược* soạn về đời Trần, chép các tên họ Lý làm họ Nguyễn, như Lý Bôn chép là Nguyễn Bôn, v.v. Trong quyển *An-nam chí lược* của Lê-Tắc có một đoạn nói khi họ Trần thay họ Lý làm vua, có lệnh-chỉ rằng : phàm tôn-tộc họ Lý và người dân nào họ Lý, cũng phải đổi ra họ Nguyễn, để cho tuyệt lòng mong-mỏi của dân-chúng. Câu này đã có người dịch ra chữ Pháp từ năm 1896 như sau : « Tous les membres de la famille Lý et ceux du peuple qui portaient le même nom reçurent l'ordre de prendre à la place le nom de Nguyễn, afin de détruire les espérances du peuple » (trích ở *Ngann-nan-tche luo, Mémoires sur l'Annam*, traduction par Camille Sainson, Péking, 1896, trang 458).

Sách chép rõ như thế, mà còn phải hỏi Ông-Trọng là họ Lý hay họ Nguyễn ! Rồi nói ba-hoa tới đền nọ miếu kia, hẳn cũng cho là tìm được « sự thực trong quốc-sử », có ngờ đâu rằng lịch-sử tôn-giáo cũng là một khoa-học có phương pháp, có thực-nghiệm (xem R. Bastide, *Eléments de sociologie religieuse* ; C. Clemen, *Les religions du monde, leur nature, leur histoire* ; S Reinach, *Cultes, mythes et religions*, v.v.). Để có dịp khác, tôi sẽ vạch nốt các chỗ lầm - lẫn. Nay bằng kết luận như sau này :

Tác-giả bài *Lý Ông Trọng* đăng trong báo *Thanh niên*, ký tên là Nguyễn-tử Anh, chưa có một chút tư - cách gì để mà chép sử, vì tính hay nói sai sự thực : không mà nói có ! Cũng chưa có chút tư-cách gì để mà phê-bình, vì tính hay nói trái nhau : dòng trên nói tôi « đã đặt Lý Ông Trọng vào hàng danh-nhân », dòng dưới lại nói tôi « *chỉ* làm cái việc chép lại » ! Nếu « *chỉ* chép lại », thì còn « đặt » vào đâu ? Trái lại, nếu tự tôi « đặt » ra, thì không phải là « chép lại ». Có phải rõ là phản - đối nhau không ? Tác-giả thiếu hẳn cái khiếu thông-hiểu và cái năng-lực xét-đoán, lại hay « nói một tấc đến trời » : cột trên, khoe rằng sẽ đi « tìm sự thực trong *Quốc Sử* », đến cột dưới, chỉ thấy tra *tự-vị Tàu*, chẳng thấy dở bộ quốc-sử nào cả. Mà đã không biết đường tra-cứu, lại làm ra mặt dạy đời, dám mong « học-giả nên nhân việc này suy ra việc khác » (?), làm như mình là tay khảo-cứu sành-sỏi lắm rồi, đã xét ra nhiều việc trong lịch-sử, kỳ thực chỉ bắt chước những bài của người khác !

(*Còn nữa*)

Ứng hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

T. B. — Ngày 22 Décembre 1943 tôi có viết cho báo *Thanh niên* một bức thư cải-chính về bài *Lý Ông Trọng*. Bức thư ấy đã đăng vào số 19 ngày 8 janvier 1944. Tòa soạn báo *Thanh niên* có để mấy câu ở trên, tôi trích ra như sau đây : «...Có đều là ông N. v. T. lại gởi bức thơ đính chánh bằng cách *bảo đảm* và nhắc lại *luật báo chí*, chúng tôi tưởng như thế là quá thừa. Vì chúng tôi cho sự đính chánh ấy là một *phận sự*, hơn là một *sự cưỡng-ép*. Bao giờ chúng tôi cũng thờ *Lương tâm* trên tất cả ».

Thế sao bạn đồng - nghiệp lại đăng những lời nói sai nói xâu, để tôi phải cải-chính cho đúng ? Nếu thật « *bao giờ* cũng thờ *Lương-tâm* », thì bao giờ cũng phải xét cho kỹ đã rồi mới đăng, không bao giờ đăng những bài càn-rỡ như bài *Lý Ông Trọng*...Nếu không có người xét nổi, thì ít ra cũng phải bắt tác-giả dẫn chứng cho phân-minh, không cho ăn nói vu-vơ bậy-bạ như thế. Nói tóm lại, nếu « *bao giờ* cũng thờ *Lương tâm* trên tất cả », thì *bao giờ* cũng phải thận-trọng, không *bao giờ* được nói phạm đến danh-dự người ta.

Tục-ngữ có câu : « Thờ thì dễ, giữ lễ thì khó », thật chẳng sai tí nào...Một bạn đồng - nghiệp đã đang tâm đăng những lời huỷ-báng như thế kia, thì chắc gì đã thành - tâm thờ Chân - lí và thờ Lương-tâm nhà nghề, cho nên bần cùng bất-đắc-dĩ tôi phải dùng đến cách bảo-đảm và viện đến luật báo-chí.

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN TỐ

— Nhiều bạn đọc viết thơ về tòa báo phàn nàn về sự mất báo, chúng tôi đã có lời trình quan Chánh sở bưu điện. Về phần nhà báo mỗi khi gửi báo tới các bạn, ty trị sự có kiểm soát rất kỹ lưỡng.

ĐỌC SÁCH

Thượng-chi văn tập, I, do Thư xã Alexandre de Rhodes xuất bản. Trong khoảng các năm 1917-1919, hồi còn làm chủ bút báo Nam Phong, Thượng-chi tiên-sinh đã viết những bài luận thuyết có giá-trị.

Thời-gian qua, báo Nam Phong nay không còn lưu-hành, nhưng nhiều người vẫn công nhận Nam-Phong có nhiều tài-liệu góp vào kho văn-hóa Việt-nam.

Ngày nay hỏi ai còn đủ bộ Nam-Phong để đọc lại những bài ấy, để khảo-cứu thêm về tư-tưởng trong khoảng cách đây hơn 10 năm: thật là một điều rất hiếm. Thư xã Alexandre de Rhodes đã nghĩ đến việc đó, nên đã xin với tác-giả lục đăng những bài văn có giá trị, thành một tập để hiến những ai muốn lưu-tâm nghiên-cứu quốc-văn.

Tập thứ I gồm có các bài: *Nghĩa vụ là gì? Sự giáo dục đàn bà, con gái, Thơ ta thơ tây, văn quốc ngữ, Nghĩa-vụ nhà làm báo, khái luận về văn-minh học thuật nước Pháp, Bình luận các tiểu thuyết: Les Roquevillards, le Maître de la Mer, André Cornélis, Hội Hàn lâm nước Pháp, Thơ Baudelaire, Triết học là gì, Triết học nước Pháp, Descartes, tổ triết học nước Pháp, Đẹp là gì? Một nhà khoa học đại danh; Marcellin Berthelot, Văn thuyết.*

Tôi đã đọc tập *Thượng-chi văn tập* luôn trong mấy đêm và tôi đã sống lại những giây phút đã qua, tưởng như hồi Nam Phong tạp chí còn ra đời.

Vốn phụng sự ngòi bút, tôi lấy làm cảm động khi đọc trong bài « Nghĩa-vụ là gì? »: « *Muốn nhập-môn đạo Khổng Mạnh trước hết phải biết phân biệt điều* nghĩa *điều* lợi ». (trang 9).

Thật vậy, kẻ sĩ mà biết phân biệt hai điều ấy, biết tìm các chân lý của hai chữ ấy, mới đáng gọi là thiên hạ sĩ.

Thượng-chi tiên sinh đã nói: « *Hai cái quan niệm về nghĩa-vụ, quyền lợi thực là cái chốt của luân lý vậy* ».

Luân lý Á-đông là một nền luân lý cổ nhất. Đã bao nhiêu phen vì nghĩa vì lợi người đời sinh ra tranh dành, lăng bức, uy hiếp, khống-chế nhau, nên các bậc thánh hiền, tiên-triết, đã phải giải rõ nghĩa hai chữ ấy để gây lấy một nền luân lý thích hợp với dân sinh, với quốc kế.

Về « Gia tộc » chủ nghĩa, Thượng chi tiên sinh đã viết:

« *Ham chủ nghĩa cá-nhân phần nhiều là những người xu-phụ thời thế, thường không có căn bản gì mà phẩm hạnh cũng kém. Không có căn bản, cho nên dễ theo thời mà dễ đổi. Phẩm hạnh kém, cho nên chỉ duy-kỷ mà không vị tha.*

« *Nhưng ngoài những kẻ ăn xổi ở thì ấy, phàm người hữu tâm về thế đạo đều biết rằng gia-đình là cái cửa bể kín đáo để cứu bọn ta trong buổi ba đào này. Ngày nay lòn giáo mỗi ngày một suy, triết lý không gì bằng cứ, nhân tâm không biết lấy đâu làm bờ bến. Nếu không có gì làm qui tắc thì lòng người phất phơ, xã-hội nguy-hiểm. Đoái đi xét lại, duy có gia đình là còn có thể duy-trì cho xã hội được. Nếu biết gây dựng cho bền chặt trên liên tiếp với người đời trước, dưới mở đường cho người đời sau, lấy tình sâu nghĩa nặng mà ràng buộc nhau, chung đúc thành một khối thiên nhiên, thì thế nào mà suy-đi được, phong trào nào mà lay chuyển được!* » (*trang 143 — Nghĩa gia tộc bình luận tiểu thuyết*).

Thật là tư tưởng luân lý của Khổng, Mạnh về chữ « tề gia » vậy.

Tôi lại lần giở các trương sau các bài khác trong tập để thấy những nghĩa lý âu xa, những tư tưởng cao quý. Trong những bài bình luận mấy pho tiểu thuyết, Thượng-chi tiên sinh đã vạch rõ cho ta biết những chỗ hay của nhà viết tiểu thuyết cùng các phương pháp dùng để viết tiểu thuyết ấy.

« Thượng-chi văn tập » có thể là một quyển sách giáo khoa cho các trường trung học ngang với những tập văn tuyển mà các học trò đang dùng.

Tôi thành thật nhận rằng đó là một tập văn có giá trị và vui lòng giới thiệu cùng các độc giả.

NGUYỆT-HẰNG

HỘP THƯ. — Ô. N. d. Tiêu Từ Sơn Bắc Ninh. Vì tình thế, nên báo chậm. Viết thơ xin nhớ dán tem cho.

Từ tinh-thần quốc-gia

(Tiếp theo trang 7)

quan trung ương ở Huế, nhưng thu nhỏ lại : nào là Phó Tổng-trấn để giúp việc quan Tổng-trấn, nào là Cai-án coi việc kiện-tụng, nào là Cai-bộ (2) coi việc tiền-nông, nào là các quan đại-diện sáu Bộ. Vua Gia-long lại cẩn-thận đến nỗi, trừ quan Tổng trấn và các quan cao-cấp ra, còn các quan dưới, những chức thân dân, phần nhiều dùng người cũ của triều Lê, và những người ngụ ên quán xứ nào lại cho làm quan xứ ấy. Cách sắp-đặt như vậy thực là khôn-khéo vì rất hợp với tình-thế của nước ta hồi bấy giờ. Xem vậy đủ thấy danh thì thống nhất, nhưng thực trong nước vẫn chia ra làm ba khu-vực.

Tuy thế, vua Gia long đã lo đến việc thực thống-nhất nước nhà. Các công-cuộc cải-cách của ngài đều có ý-nghĩa sâu-xa ấy, nhất là việc lập con đường giao-thông từ cửa Nam-quan (Lạng-sơn) cho thấu Hà-tiên : đắp con đường quan-lộ từ Nam-quan đến Bình-thuận, cạnh đường đặt nhà trạm cho người đi đường nghỉ-ngơi, từ Bình-thuận đến Hà-tiên thì đi đường thủy.

IV. Cuộc thống-nhất lại thực-hiện. Một kỷ-nguyên mới trong sự tiến-hóa của dân-tộc Việt-Nam : Tây-tiến

Những công-cuộc sắp-đặt để hiệp-nhất nước Việt-Nam, đến đời Minh-mạng mới có hiệu-quả. Sở dĩ có được thế là nhờ đức Minh-mạng là một đấng anh-quân cương-quyết, cương quyết đến nỗi lắm khi hình như tàn-ác.

Điều đặc-sắc nhất trong chính-sách của vua Minh-mạng là trực-trị toàn-thể nước Việt-Nam, bỏ Gia-định-thành và Bắc-thành Tổng-trấn : các tỉnh trong nước đều thống thuộc chính-phủ trung-ương ở Huế, tỉnh lớn thì đặt Tổng-đốc, tỉnh nhỏ lại đặt Tuần-vũ để cai-trị (1831).

Đến đây ta lại thấy việc đã xảy ra cuối đời nhà Ngô tái-diễn : cũng như loạn Mười-hai Sứ-quân là du-hưởng của chế-độ phong-kiến trong lúc Nội-thuộc Tàu, các đám loạn ở Bắc-kỳ (giặc Lê-duy-Lương, giặc Nông-văn-Vân 1833) và ở Nam-kỳ (loạn Lê-văn-Khôi 1833-1835) xảy ra dưới đời Minh-mạng là do sự phản-động của nhân-dân hai miền ấy gây nên, trước chính sách trực-trị của Triều-đình Huế. Ta có thể cho các đám loạn là những cuộc thí-nghiệm để xem thử trình-độ tiến-hóa của dân-tộc Việt-Nam đến bây giờ đã thấu được giai-đoạn thống-nhất chưa. Thì kết quả của các cuộc thí-nghiệm ấy là : giặc tan, chế-độ địa-phương tự-trị các chung, nước Việt-Nam hiệp nhất. Từ đấy, suốt từ Nam-quan cho thấu Hà-tiên là một nước Đại-Nam to rộng.

Thực-hành được sự thống-nhất, dân-tộc Việt-Nam nhờ ngay sự thống-nhất ấy gây thêm lực-lượng của mình, bành-trướng lĩnh-thổ. Nhưng vào Nam đã cùng đường, dân Việt mới tìm cách Tây-tiến. Những đất Sâm nứa, Trấn-ninh, Cammon, Savannakhet ở Lào bây giờ, lần-lượt sáp nhập vào bản đồ nước Đại-Nam. Nước Cao-man lại bị người Việt quận-huyện (1834) rồi đổi làm Trấn-tây-thành (1835).

學醫東亞

Muốn nghiên-cứu khoa thuốc á-đông, nên mua ngay :

Sách thuốc Việt-Nam.	3$50
Tính các vị thuốc.	3 00
Khoa thuốc xứ nóng.	2 00
Khoa chữa phổi.	1 00
Khoa chữa mắt.	1 00
Khoa chữa trẻ con.	0 80
Ngoại khoa.	1 00
Sinh lý học.	1 00

cước quyền lớn 0$69, nhỏ 0$30.

Hỏi : *M. Nguyễn-xuân-Dương Lạc long 22 Tientsin Hanoi.*

SÁCH GIÁ TRỊ

Siêu Hình Học
của Ng. đình Thi — *Giá 5$00*

Phật Giáo Triết Học
của Phan văn Hùm (in lần thứ hai) — *Giá 3$50*

Học Thuyết Freud
của Tô kiều Phương — *2.50*

Triết Học Einstein
của Ng. đình Thi — *2.30*

Thi Hào Tagore
của Ng. văn Hai — *4.80*

Triết Lý về Vũ-Trụ và Nhân-Sinh
của Phan Mật — *2.30*

Vàng Sao
của Chế lan Viên — *2.50*

Triết Học Descartes
của Ng. đình Thi — *4.50*

NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT
29, Lamblot — Hanoi

Tuy việc Tây tiến rốt cục không có được thành-tích lâu-dài, bền-vững như việc Nam-tiến, nhưng chính nó đã bắt đầu rõ-rệt dưới đời Minh-mạng, và cũng chỉ dưới đời vua ấy, nước ta mới được to rộng hơn cả.

Dù cuộc thống-nhất đã thực-hành, dân Việt đã Tây-tiến, nhưng kinh-tế trong nước vẫn còn kém-cỏi, chưa vượt ra khỏi giai-đoạn tiểu canh-nông.

Rồi vừa gặp sóng gió trời Âu tràn sang, trong nước lại mê-muội, không lo cải-cách để theo cho kịp người, nên mới có cuộc bảo hộ ngày nay vậy.

***

Xem như trên thì thấy sự tiến-hóa của dân-tộc Việt-Nam do hai động-lực cốt yếu chi-phối: một *tinh-thần quốc-gia bồng-bột* và *một sự hiệp-nhất mạnh-mẽ*, mà ông cha đã tốn bao nhiêu nước mắt, mồ-hôi, xương trắng, máu đào mới co được.

Vậy ta có thể bằng vào hai động-lực ấy mà chia lịch-sử dân-tộc Việt-Nam ra bốn đoạn cốt-yếu:

1· — *Đoạn thứ nhất. — Từ thượng-cổ cho đến khi Ngô-Quyền đuổi quân Nam Hán (938)*: Thời đại phong kiến và nội-thuộc Tàu. Thời-kỳ đào-tạo dân-tộc Việt-Nam.

2· — *Đoạn thứ nhì. — Từ Ngô-Quyền đến nhà Lê trung-hưng (938-1553)*: Thời-đại tự-chủ và hợp nhất lần đầu. Khởi-sự và tiếp-tục việc Nam tiến.

3· — *Đoạn thứ ba. — Từ nhà Lê trung-hưng đến hết đời Gia-long (1553-1802)*: Thời-đại chia rẽ. Tiếp-tục việc Nam-tiến. Cố gắng đến chỗ hiệp-nhất.

4· — *Đoạn thứ tư. — Từ vua Minh mạng lên ngôi (1820) đến bây giờ*: Sự hợp-nhất lại thực-hiện. Khởi-sự Tây tiến.

Sở-dĩ chia lịch-sử ta thành bốn đoạn như trên, là vì khi một đoạn bắt đầu thì ta lại thấy sự tiến-hóa của dân-tộc Việt-Nam xoay theo một chiều mới. Và chia như vậy mục-đích cốt để nhận rõ sự tiến-hóa ấy, một sự tiến hóa phức-tạp rối-ren, nhưng cũng có thể thấy trong đó từng chiều chính, những ngả rõ minh bạch rõ ràng.

(Hết)

Mãn-Khánh DƯƠNG-KỲ

2) Ta nên nhớ chức Cai Bộ, dưới đời các Chúa Nguyễn quyền hành to lắm, giống như một ông Thượng thư Bộ Tài chính. Cai-Bộ làm chủ « Tướng-thần lại ti ».

MỘT BỘ SÁCH:

Cổ nhất Đông-Phương!
lạ nhất nhân - loại!

Nguồn gốc chỉ là một cái gạch ngang, rồi qua tay 4 vị Thánh nhân, cái gạch ngang ấy diễn thành một pho sách cực kỳ hùng-vĩ. Đó là bộ:

KINH DỊCH

mà người Việt-nam ta có lẽ không mấy người là không nghe thay tên, nhưng chắc ít người biết rõ nội dung ra sao.

KINH DỊCH

là một bộ sách đã xuất-hiện trên một vạn năm, mà mấy trăm học-giả phương Đông theo gót nhau nghiên-cứu và chú-giải đến hai nghìn năm nay vẫn chưa hết nghĩa.

KINH DỊCH

thật là một pho sách uyên-thâm, huyền-diệu, bao quát tất cả các lẽ trong vũ-trụ.

Các bài thơ và kinh có in nguyên văn chữ Hán

Toàn bộ giày trên dưới 2000 trang in luôn một lúc đóng làm 5 quyển

Sách đã bắt đầu in nhưng không bán lẻ từng cuốn

Sách in làm 3 hạng:

Hạng giấy thường	sẽ bán từ	20$00
Hạng lụa Đó	(đựng hộp bọc lụa)	50.00
Hạng Bạch Minh châu	(đựng hộp gấm)	150.00

Thêm cước gửi ngoài

Thư và ngân phiếu xin gửi về

Nhà in MAI-LĨNH Hanoi

HÀN-THUYÊN
71, Tiên Tsin — Hanoi
Giám Đốc
NGUYỄN XUÂN TÁI

Sắp có bán

CẬN ĐÔNG CỔ SỬ

của giáo-sư NGUYỄN-ĐỨC-QUỲNH
Giá 3$00

Miền cận đông giữ vai trò quan-trọng trên lịch sử thế giới — Muốn biết rõ lai-lịch miền cận đông xin đọc Cận Đông Cổ Sử trong loại sách Tân Văn Hóa

HÀN THUYÊN
71 Tiên Tsin Hanoi

Một bộ sách quí

do thư xã ALEXANDRE DE RHODES

xuất - bản

THƯỢNG - CHI VĂN - TẬP

quyển nhất

của cụ PHẠM-QUỲNH Lại-bộ thượng-thư

Sưu-tập những áng văn hay đã đăng trong tạp-chí Nam Phong từ 1917 19 sẽ lần lượt phát hành từ 6 đến 10 quyển.

Sách dày 350 trang, khổ 12×18

Bản thường 5$00 — Bản giấy láng 10$00

Tổng phát hành

MAI LĨNH

21, Rue des Pipes — Hanoi

Sách của

Nhật-Nham TRỊNH-NHƯ-TẦU

I — Đã xuất-bản :

A) Đã được Hội-Đồng duyệt sách cho dùng trong các Học-Đường Đông Pháp :

1) Trịnh-gia Chinh Phả (in lần thứ hai) hết
2) Hưng yên địa-chí — —
3) Gương Luân-Lý —
4) Bắc-giang địa-chí dầy 284 trang, có bản đồ phụ đính Giá cũ 1$50

B) 5) Vị tiền hết
6) Hoa xưa ong cũ Giá cũ 0$30
7) Từ Hanoi đến Hồ Ba Bể (du-ký) 2$00

« Hồ này từ đời Lê, đời Mạc tới nay, có bao « nhiêu anh hùng lưu dấu vết, có bao nhiêu danh- « sĩ đang tâm, mà có du-ký như ông nay mới thấy « là một ! Ông chẳng những chép phong cảnh và « lịch sử Ba hồ, mà lại kể cả cuộc hành trình- « đi đến đâu cũng để mắt quan-sát : nào là nhân, « tình phong tục, nào là công cuộc mở mang của « đời xưa và hiện-thời, thực có ích cho nhà khảo- « cứu, có thể làm kim chỉ nam dẫn lối cho nhà « du lịch sau này. »

« Du ký này có giá-trị lắm thay !

Trích bài tựa của cụ Phó-bảng Nông-sơn Nguyễn-can-Mộng

II — Sắp xuất-bản :

Uyên-Hải Tử-Bình ; — Ngàn Treo Đanh Chuyền Đinh Sơn) ; — Bắc-ninh địa-chí.

Xin viết thư cho :

Nhật-nham Trịnh-như-Tầu Thư ký phủ Thống-sứ Bắc-kỳ hay Biên-tập-viên tạp-chí Tri-Tân

95-97 Rue Chanceaulme hanoi

Hai quyển sách trọn lọc in khổ lớn 21×18 trình bầy rất công-phu in giấy trên trăm trang, mỗi quyển 2$80, bản quý in trên giấy Hoàng-minh châu, Tường-vi, Giò lụa giá 25$00, sắp phát hành khắp Đông-dương.

LÃ GIA

Danh nhân chuyện

của HẢI-TRẦN

Thân thế và công nghiệp một vị lão thần nhà Triệu. Một quãng sử vẻ vang và bi đát.

Một tâm trạng eo le thắc-mắc của một người thiết tha yêu nước thương dân.

MẸ TÔI

Sách đọc trong gia-đình

của NGUYỄN KHẮC-MẪN

Tặng tất cả những ai đã thiếu thốn sự âu-yếm nuông chiều. Đây không là lời văn mà là những rung động thành thực của một tâm hồn hiếu tử.

Có phụ thêm mấy truyện tâm-tình nhẹ nhàng và

ĐỐN CỐI

ANH THƯ ĐỜI MẠC của Chu-Thiên

THANH NIÊN CA lời ca và âm nhạc

của Đào-Hợp

MÓN QUÀ TRẺ EM của bà Tường-Phố

ĐẠI HỌC THƯ XÃ

Giám đốc : Ái Lang NGUYỄN-TẾ-MỸ

80 Sinh-Từ — Hanoi

TỦ SÁCH « TÂN VĂN HÓA »

1·)	Nguyễn Du và Truyện Kiều	3$50
2·)	Nhân loại tiến hóa sử	1, 80
3·)	Gốc tích loài người	1, 80
4·)	Đời sống thái cổ	2, 20
5·)	Ai cập cổ sử	2, 50
6·)	Cận đông cổ sử	2, 50
7·)	Nguồn gốc văn minh	2, 20
8·)	Luân lý thực nghiệp	2, 50
9·)	Lê thánh Tông	3, 00
10·)	Ô: khoa học	2, 20
11·)	Triết học là gì	2, 50
12·)	Lý thường Kiệt	2, 50

Sắp phát hành

NGUYỄN - CÔNG - TRỨ

của NGUYỄN BÁCH KHOA

Giá 5$00

HÀN THUYÊN XUẤT BẢN CỤC

71 Tien Tsin — Hanoi

REVUE TRI-TAN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phượng Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi